

Số: 13 /TB-UBND

Quận 5, ngày 10 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO

Tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2021 - 2022

Căn cứ Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 5 về tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2021 - 2022; Ủy ban nhân dân Quận 5 thông báo như sau:

I. CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức là **122** chỉ tiêu (các ứng viên dự tuyển xem thông tin chi tiết tại Trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Quận 5 địa chỉ: www.quan5.hochiminhcity.gov.vn), với các chức danh nghề nghiệp cụ thể như sau:

- Giáo viên mầm non hạng III; Mã số: V.07.02.26: **35** chỉ tiêu (Trong đó có 05 chỉ tiêu giáo viên dạy trẻ khuyết tật).
- Giáo viên tiểu học hạng III; Mã số: V.07.03.29: **57** chỉ tiêu.
- Giáo viên THCS hạng III; Mã số: V.07.04.32: **18** chỉ tiêu.
- Giáo viên THPT hạng III; Mã số: V.07.05.15: **03** chỉ tiêu.
- Thư viện viên hạng IV; Mã số: V.10.02.07: **04** chỉ tiêu.
- Văn thư trung cấp; Mã số 02.008: **02** chỉ tiêu.
- Quản trị viên hệ thống hạng IV, mã số V.11.06.15: **02** chỉ tiêu.
- Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm; Mã số: V.07.07.20: **01** chỉ tiêu.

(Chi tiết theo Phụ lục 1, 2, 3 và 4 đính kèm)

II. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN VÀ HỒ SƠ ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện dự tuyển viên chức

1.1. Đối tượng dự tuyển: Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo; không phân biệt loại hình đào tạo, văn bằng, chứng chỉ, trường công lập, trường ngoài công lập được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có Quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên và trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động;
- c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển; trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp

phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không trái với quy định của pháp luật.

1.2. Đối tượng không được tham gia dự tuyển

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Tiêu chuẩn từng vị trí gắn với chức danh nghề nghiệp

2.1. Người dự tuyển vị trí giáo viên phải đạt trình độ chuẩn theo quy định, cụ thể:

a) Vị trí giáo viên mầm non (*chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng III; mã số V.07.02.26*)

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (*đối với giáo viên mầm non mới được tuyển dụng vào giáo viên mầm non hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng*).

b) Vị trí giáo viên tiểu học (*chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng III; mã số V.07.03.29*)

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (*đối với giáo viên tiểu học mới được tuyển dụng vào giáo viên tiểu học hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng*).

c) Vị trí giáo viên trung học cơ sở (*chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng III; mã số V.07.04.32*)

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở.

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.



- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (*đối với giáo viên trung học cơ sở mới được tuyển dụng vào giáo viên trung học cơ sở hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng*).

d) Vị trí giáo viên trung học phổ thông (*chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng III; mã số V.07.05.15*)

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học phổ thông.

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng III (*đối với giáo viên trung học phổ thông mới được tuyển dụng vào giáo viên trung học phổ thông hạng III thì phải có chứng chỉ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng*).

e) Vị trí giáo viên Tổng phụ trách Đội:

Phải đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên theo hạng chức danh nghề nghiệp; đồng thời phải có nghiệp vụ công tác Đoàn - Đội theo quy định tại Thông tư 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

2.2. Người dự tuyển vị trí nhân viên phải đạt trình độ chuẩn theo quy định, cụ thể:

a) Vị trí nhân viên Văn thư (*chức danh nghề nghiệp Văn thư viên trung cấp; mã số 02.008*)

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin.

- Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

b) Vị trí nhân viên Thư viện (*chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV; mã số V.10.02.07*)

- Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có chứng chỉ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014

của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

c) Vị trí nhân viên Công nghệ thông tin (*theo chức danh nghề nghiệp Quản trị viên hệ thống hạng IV; mã số V.11.06.15*)

- Tốt nghiệp trung cấp các ngành đúng hoặc các ngành đào tạo về Công nghệ thông tin trở lên.

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

d) Vị trí nhân viên Thiết bị - thí nghiệm (*chức danh nghề nghiệp Nhân viên thiết bị, thí nghiệm; mã số V.07.07.20*)

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (*hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học*) trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc đối với những địa phương yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

- Có chứng chỉ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.3 Quy định về chuyển tiếp

- Trình độ Ngoại ngữ: Thực hiện Công văn số 6098/BGD-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định giá trị Chứng chỉ tiếng Anh thực hành A, B, C tương đương với Khung tham chiếu Châu Âu 6 bậc và đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1637/GDĐT-TC ngày 27 tháng 5 năm 2016, quy định cấp độ tương đương như sau:

- + Trình độ A: tương đương Bậc 1 (A1) khung châu Âu.

- + Trình độ B: tương đương Bậc 2 (A2) khung châu Âu.

- + Trình độ C: tương đương Bậc 3 (B1) khung châu Âu.

- Trình độ Tin học: Đối với các khóa đào tạo, cấp chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 03 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Tin học ứng dụng A, B, C) đang triển khai trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2016 vẫn được tiếp tục thực hiện, cấp chứng chỉ cho đến khi kết thúc. Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

- Trường hợp thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. (*Chi tiết theo Phụ lục 5 đính kèm*).

3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp 02 bộ hồ sơ gồm:

3.1. Phiếu đăng ký dự tuyển có dán ảnh 4x6cm (theo mẫu đính kèm). Người dự tuyển có thể tải mẫu phiếu trên Trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Quận 5 tại địa chỉ: quan5.hochiminhcity.gov.vn hoặc trên Trang Thông tin của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 tại địa chỉ: pgdquan5.hcm.edu.vn

3.2. Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên (nếu có).

Lưu ý: Người dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí tuyển dụng, nếu người dự tuyển nộp hồ sơ từ 02 vị trí tuyển dụng trở lên sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỂM ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

Các trường hợp sau đây được xem xét, cộng điểm ưu tiên trong kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5:

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Lưu ý: Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm tại vòng 2.

IV. HÌNH THỨC, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển viên chức bằng hình thức phỏng vấn được thực hiện theo 2 vòng.

2. Nội dung xét tuyển: Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

* **Vòng 1:** Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển.

- Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 do Ban Kiểm tra phiếu thực hiện.



*** Vòng 2: Kiểm tra, sát hạch**

- Hình thức: Phỏng vấn.

- Nội dung: Kiểm tra sát hạch kiến thức chung, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ theo nhiệm vụ, tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian kiểm tra sát hạch: Thời gian phỏng vấn 30 phút (*trước khi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị*).

- Thang điểm: 100 điểm.

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

a) Có kết quả điểm kiểm tra sát hạch tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm (*kể cả điểm ưu tiên*) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

Lưu ý: Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

V. THỜI GIAN, MỨC THU PHÍ VÀ ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ

1. Thời gian nhận hồ sơ

Thời gian: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (Sáng từ 08 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 14 giờ 00 đến 16 giờ 30) **từ ngày 14 tháng 3 năm 2022 đến hết ngày 12 tháng 4 năm 2022.**

2. Địa điểm nhận hồ sơ: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Quận 5, địa chỉ: số 45 Phước Hưng, Phường 8, Quận 5.

Lưu ý: Yêu cầu thí sinh đăng ký dự tuyển phải thường xuyên theo dõi để biết thông tin về tuyển dụng tại Trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Quận 5 địa chỉ: quan5.hochiminhcity.gov.vn hoặc trên Trang Thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 địa chỉ: pgdquan5.hcm.edu.vn

3. Kinh phí tuyển dụng:

Mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí tuyển dụng thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính. Mức thu phí tuyển dụng: 400.000 đồng/thí sinh/lần.

VI. CÔNG TÁC TỔ CHỨC XÉT TUYỂN

1. Phòng Nội vụ và Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện quy trình tuyển dụng theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Tổ chức xét tuyển

2.1. Xét tuyển vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển, **thời gian dự kiến ngày 18 tháng 4 năm 2022.**

2.2. Thông báo Danh sách người dự tuyển đủ điều kiện tham gia dự tuyển vòng 2, **thời gian dự kiến ngày 22 tháng 4 năm 2022.**

2.3. Xét tuyển vòng 2: Kiểm tra sát hạch kiến thức chung, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ theo nhiệm vụ, tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển (*thông qua hình thức phỏng vấn*), **thời gian dự kiến ngày 04, 05, 06 tháng 5 năm 2022**

Địa điểm tổ chức xét tuyển vòng 2: Trường Bồi dưỡng Giáo dục Quận 5, số 2A Trần Hòa, Phường 10, Quận 5.

2.4. Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức: **Thời gian dự kiến ngày 12 tháng 5 năm 2022.**

2.5. Thông báo nhận nhiệm sở: **Thời gian dự kiến ngày 19 tháng 5 năm 2022.**
Địa điểm: Trường Bồi dưỡng Giáo dục Quận 5, số 2A Trần Hòa, Phường 10, Quận 5.

Trên đây là Thông báo tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2021 - 2022.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT/TP;
- Sở Nội vụ/TP;
- TT.UBND/Q5;
- VP.UBND/Q5;
- Phòng: TCKH; GDĐT/Q5;
- TT. GDNN - GDTX/Q5;
- Trường: CB Tương Lai; BDGD/Q5;
- Các trường MN, TH, THCS/Q5;
- Lưu: VT, PNV (1b). MT. 6.

CHỦ TỊCH



Trương Minh Kiều





PHỤ LỤC 1

**NEHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5
NĂM HỌC 2021 - 2022 (KHỐI MẦM NON)***(Ban hành kèm theo Thông báo số 13 /TB-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 5)*

STT	Đơn vị có nhu cầu tuyển dụng	Nhu cầu tuyển dụng Giáo viên	Ghi chú
	TỔNG CỘNG:	35	
1	Mầm non 1	2	
2	Mầm non 3	1	
3	Mầm non 8	3	
4	Mầm non 9	1	
5	Mầm non 10	3	
6	Mầm non 11	1	
7	Mầm non 13	1	
8	Mầm non Hòa Mi 2	3	
9	Mầm non Hòa Mi 3	6	
10	Mầm non Sơn Ca	1	
11	Mầm non Vàng Anh	8	
12	Trường Chuyên biệt Tương Lai	5	



PHỤ LỤC 2

NEHU CAU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5 NĂM HỌC 2021 - 2022

KHỐI TIỂU HỌC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 10 /TB-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 5)

STT	Đơn vị	Số lớp	Số Giáo viên hiện có	Nhu cầu tuyển dụng giáo viên và nhân viên	Nhu cầu tuyển dụng viên chức									
					Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên TDTT	Giáo viên Âm nhạc	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Tin học	Giáo viên TPT Đội	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Văn thư	NV Công nghệ thông tin
	TỔNG CỘNG:	445	600	64	21	2	4	4	14	7	5	3	2	2
1	Hàm Tử	26	36	2	2									
2	Trần Bình Trọng	30	43	5	2				2				1	
3	Huỳnh Mẫn Đạt	20	28	4			1	1		1	1			
4	Bàu Sen	30	44	4	2					1			1	
5	Lê Văn Tám	15	20	3	1						1	1		
6	Chương Dương	21	29	3	1				1	1				
7	Huỳnh Kiến Hoa	22	25	7	4				1	1	1			
8	Phạm Hồng Thái	25	36	2					2					
9	Trần Quốc Toàn	23	31	5	1	1			1		1	1		
10	Lý Cảnh Hón	18	26	1					1					
11	Minh Đạo	52	68	3				2	1					
12	Chính Nghĩa	49	60	12	4	1	2		2	1	1			1
13	Nguyễn Viết Xuân	27	37	4	2				1	1				
14	Lê Đình Chính	28	41	3					1			1		1
15	Nguyễn Đức Cảnh	30	38	3	2				1					
16	Hùng Vương	29	38	3			1	1		1				



PHỤ LỤC 3

NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5 NĂM HỌC 2021 - 2022

KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo Thông báo số 18 /TB-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 5)

STT	Đơn vị	Số lớp	Số Giáo viên hiện có	Nhu cầu tuyển dụng Giáo viên và nhân viên	Nhu cầu tuyển dụng viên chức									
					Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên Lịch sử	Giáo viên Địa lý	Giáo viên âm nhạc	Giáo viên Sinh học	Giáo viên Kỹ thuật Công nghiệp	Giáo viên Mỹ thuật	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	Nhân viên Thư viện	Nhân viên Thiết bị-Thí nghiệm
	TỔNG CỘNG:	235	416	20	3	1	2	1	3	2	3	3	1	1
1	Ba Đình	45	84	8	2		1			1	2	1	1	
2	Kim Đồng	54	92	1					1					
3	Lý Phong	39	68	3				1			1	1		
4	Mạch Kiếm Hùng	37	60	5			1		2	1		1		
5	Trần Bội Cơ	60	112	3	1	1								1

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5



PHỤ LỤC 4

NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5 NĂM HỌC 2021 - 2022

TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN QUẬN 5

(Ban hành kèm theo Thông báo số 13 /TB-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Quận 5)

STT	Đơn vị	Số lớp	Số Giáo viên hiện có	Nhu cầu tuyển dụng Giáo viên	Nhu cầu tuyển dụng viên chức		
					Giáo viên Ngữ văn	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên Sinh học
	TỔNG CỘNG:	6	16	3	1	1	1
1	Trung tâm GDNN - GDTX Quận 5	6	16	3	1	1	1

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 5
CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông báo số **13** /TB-UBND ngày **10** tháng **3** năm 2022
của Ủy ban nhân dân Quận 5)

1. Đối với trình độ Ngoại ngữ:

- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành;

- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;

- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GDTEX ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC;

Việc quy đổi chức chỉ ngoại ngữ thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (<i>TT số 01/2014/ TT- BGDDT</i>)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Tiếng Anh)									
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	CC Tiếng Anh theo QĐ 66	IELTS	GE	BEC	BULA TS	TOEFL			TOEIC
							PBT	CBT	iBT	
Bậc 1	Trình độ A	A1								120
Bậc 2	Trình độ B	A2		Preliminary KET		20			40	225
Bậc 3	Trình độ C	B1	4 - 4.5	Preliminary PET	Business Preliminary	40	450	133	45	450
Bậc 4		B2	5 – 6	FCE	Business Vantage	60	500	173	61	600
Bậc 5		C1	6.5- 7.5	CAE	Business Higher	75			90	850
Bậc 6		C2	8-9	CPE		90				

Khung NLNN 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp 1	JLPT N5	Topik I-L1
Bậc 2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp 2		Topik I-L2
Bậc 3	TRKI I	DELTA B1	B1 ZD	HSK cấp 3	JLPT N4	Topik II-L3

Khung NLNN 6 bậc	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 4	TRKI II	DELFB2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4	JLPT N3	Topik II-L4
Bậc 5	TRKI III	DALF C1		HSK cấp 5	JLPT N2	Topik II-L5
Bậc 6	TRKI IV	DALF C2		HSK cấp 6	JLPT N1	Topik II-L6

- Riêng các Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, căn cứ Thông báo số 138/TB-QLCL ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh sách các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ (viết tắt là Thông báo số 138/TB-QLCL), tính đến ngày 08 tháng 02 năm 2021 chỉ công nhận Chứng chỉ được cấp từ 16 đơn vị sau:

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Học viện An ninh nhân dân
11	Trường Đại học Sài Gòn
12	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
13	Trường Đại học Trà Vinh
14	Trường Đại học Văn Lang
15	Trường Đại học Quy Nhơn
16	Trường Đại học Tây Nguyên

2. Đối với chứng chỉ Tin học:

- Căn cứ Công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận “bài thi IC3 đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản”.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: “các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản”; Căn cứ Công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: “Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phôi chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016”. Vậy chứng chỉ tin học A, B, C được cấp trước ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì được công nhận là tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

- Thông báo số 138/TB-QLCL ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh sách các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ, công nhận chứng chỉ Ứng dụng CNTT được cấp từ các đơn vị sau:

2.1. Các cơ sở giáo dục đại học:

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng
2	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
3	Trung tâm phát triển phần mềm - Đại học Đà Nẵng
4	Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế
5	Trường Đại học Nông lâm - Đại học Huế
6	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
7	Viện Quốc tế Pháp ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
8	Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
9	Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
10	Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
11	Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Công nghệ thông tin - Đại học Thái Nguyên
13	Đại học Thái Nguyên
14	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên
15	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
16	Học viện An ninh nhân dân
17	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18	Học viện Cảnh sát Nhân dân
19	Học viện Chính trị công an nhân dân
20	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông

STT	Tên đơn vị
21	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông (cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh)
22	Học viện Hải quân
23	Học viện Hàng không
24	Học viện Kỹ thuật quân sự
25	Học viện Nông nghiệp Việt Nam
26	Học viện Quản lý giáo dục
27	Học viện Tài chính
28	Trường Đại học An ninh nhân dân
29	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
30	Trường Đại học Bạc Liêu
31	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
32	Trường Đại học Bình Dương
33	Trường Đại học Buôn Ma Thuột
34	Trường Đại học Cảnh sát nhân dân
35	Trường Đại học Cần Thơ
36	Trường Đại học Chu Văn An
37	Trường Đại học Công đoàn
38	Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải
39	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai
40	Trường Đại học Công nghệ Vạn Xuân
41	Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu nghị
42	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
43	Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
44	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
45	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
46	Trường Đại học Công nghiệp Vinh
47	Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
48	Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung
49	Trường Đại học Cửu Long
50	Trường Đại học Duy Tân
51	Trường Đại học Đại Nam
52	Trường Đại học Đà Lạt

STT	Tên đơn vị
53	Trường Đại học Điện lực
54	Trường Đại học Đồng Tháp
55	Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh
56	Trường Đại học Hạ Long
57	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam
58	Trường Đại học Hải Dương
59	Trường Đại học Hải Phòng
60	Trường Đại học Hoa Lư
61	Trường Đại học Hòa Bình
62	Trường Đại học Hồng Đức
63	Trường Đại học Hùng Vương
64	Trường Đại học Khánh Hòa
65	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội
66	Trường Đại học Kiên Giang
67	Trường Đại học Kinh tế công nghiệp Long An
68	Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp
69	Trường Đại học Kinh tế tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
70	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
71	Trường Đại học Kỹ thuật công nghệ Cần Thơ
72	Trường Đại học Kỹ thuật hậu cần Công an nhân dân
73	Trường Đại học Lạc Hồng
74	Trường Đại học Lao động - Xã hội (Cơ sở 2)
75	Trường Đại học Lâm nghiệp
76	Trường Đại học Lâm nghiệp (Phân hiệu Đồng Nai)
77	Trường Đại học Luật Hà Nội
78	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
79	Trường Đại học Mở Hà Nội
80	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
81	Trường Đại học Nam Cần Thơ
82	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
83	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh
84	Trường Đại học Ngoại thương



STT	Tên đơn vị
85	Trường Đại học Nguyễn Trãi
86	Trường Đại học Nha Trang
87	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội
88	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang
89	Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh
90	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
91	Trường Đại học Phan Thiết
92	Trường Đại học Phú Yên
93	Trường Đại học Quang Trung
94	Trường Đại học Quảng Bình
95	Trường Đại học Quảng Nam
96	Trường Đại học Quy Nhơn
97	Trường Đại học Sài Gòn
98	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
99	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
100	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên
101	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định
102	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
103	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
104	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vinh
105	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long
106	Trường Đại học Tài chính - Kế toán
107	Đại học Tài chính - Marketing
108	Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh
109	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
110	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh
111	Trường Đại học Tân Trào
112	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
113	Trường Đại học Thủy Lợi
114	Trường Đại học Tây Bắc
115	Trường Đại học Tây Đô
116	Trường Đại học Tây Nguyên

STT	Tên đơn vị
117	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh
118	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng
119	Trường Đại học Thái Bình
120	Trường Đại học Thông tin liên lạc
121	Trường Đại học Thủ Dầu Một
122	Trường Đại học Tiền Giang
123	Trường Đại học Tôn Đức Thắng
124	Trường Đại học Trà Vinh
125	Trường Đại học Trưng Vương
126	Trường Đại học Văn Hiến
127	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
128	Trường Đại học Việt Bắc
129	Trường Đại học Vinh
130	Trường Đại học Xây dựng Miền Tây
131	Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
132	Trường Đại học Yersin Đà Lạt
133	Trường Đại học Y dược Thái Bình
134	Trường Đại học Y tế công cộng
135	Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin truyền thông

2.2. Các sở giáo dục và đào tạo có trung tâm sát hạch:

STT	Tên đơn vị	Số trung tâm sát hạch
1	Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang	3
2	Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa - Vũng Tàu	2
3	Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Giang	1
4	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định	3
5	Sở Giáo dục và Đào tạo Cà Mau	1
6	Sở Giáo dục và Đào tạo Cần Thơ	1
7	Sở Giáo dục và Đào tạo Đà Nẵng	3
8	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk	4
9	Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông	2
10	Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên	1

STT	Tên đơn vị	Số trung tâm sát hạch
11	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp	1
12	Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai	1
13	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang	1
14	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội	4
15	Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh	2
16	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương	2
17	Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng	1
18	Sở Giáo dục và Đào tạo Hậu Giang	1
19	Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình	1
20	Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên	1
21	Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang	1
22	Sở Giáo dục và Đào tạo Kon Tum	1
23	Sở Giáo dục và Đào tạo Lai Châu	1
24	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	1
25	Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng	2
26	Sở Giáo dục và Đào tạo Long An	1
27	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình	1
28	Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận	1
29	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	1
30	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	2
31	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Yên	1
32	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình	3
33	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam	2
34	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi	1
35	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh	1
36	Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	3
37	Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La	1
38	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Bình	1
39	Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên	1
40	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	3
41	Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế	7
42	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang	1

STT	Tên đơn vị	Số trung tâm sát hạch
43	Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh	1
44	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Long	1
45	Sở Giáo dục và Đào tạo Vĩnh Phúc	2
46	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái	1

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

